

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v: “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Hoa
- Bà Nguyễn Thị Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2021/TLST-KDTM, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty V;

Địa chỉ trụ sở: Lô A2-19, đường N, phường H, phường LC, thành phố Đà Nẵng;

Đại diện cho Công ty V:

- Ông Trần Văn K. Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

- Bà Phạm Phương D. Chức vụ: Chuyên viên, là người đại diện theo ủy quyền.
Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Giám đốc Công ty V.

2. Bị đơn: Công ty P;

Địa chỉ trụ sở: 167/2/1 đường H, phường TP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Công ty P:

- Ông Nguyễn B. Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty V và Công ty P có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau. Cụ thể, ngày 01/01/2015, Công ty P đã ký Hợp đồng mua bán Xi măng số 62/HĐTT với Xí nghiệp kinh doanh xi măng vật liệu xây dựng Đà Nẵng trực thuộc Công ty V. Công ty P đã mua xi măng với tổng giá trị 449.620.000 đồng, tính đến ngày 17/7/2017 Công ty P đã thanh toán số tiền 366.914.000 đồng; còn lại của hợp đồng mua bán là 82.706.000 đồng. Công ty V đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty P vẫn chưa thanh toán cho Công ty V. Vì vậy, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty P phải trả cho Công ty V số tiền 82.706.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu trả lãi.

** Theo biên bản làm việc tại Tòa án ngày 9 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn B người đại diện hợp pháp của bị đơn công ty P trình bày:*

Xác nhận trong quá trình kinh doanh Công ty P đã mua xi măng của Công ty V và hiện tại còn nợ số tiền là 82.706.000 đồng. Khoản nợ này Công ty V đã nhiều lần yêu cầu trả nợ và bên Công ty P cũng có nhiều lần xác nhận nợ nhưng vì hoạt động kinh doanh của Công ty P đang gặp khó khăn nên chưa thực hiện việc trả nợ được. Công ty P đề nghị Công ty V chia sẻ khó khăn, tạo điều kiện để cho Công ty P trả dần tiền nợ.

Ngoài ra, ông Bắc còn trình bày Công ty P do hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên trên thực tế thì đã ngừng hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 03 (ba) năm nay. Tuy nhiên, về tình trạng pháp lý thì Công ty P chưa tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V; buộc bị đơn là Công ty P phải có nghĩa vụ trả cho Công ty V số tiền là: 82.706.000 đồng. Về án phí, bị đơn là Công ty P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Công ty V khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa (Xi măng). Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án kinh doanh

thương mại về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại Điều 7 Hợp đồng mua bán Xi măng số 62/HĐTT ngày 01/01/2015 giữa Công ty P đã ký với Xí nghiệp kinh doanh xi măng vật liệu xây dựng Đà Nẵng trực thuộc Công ty V có quy định: “*Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên sẽ cùng nhau trao đổi, thống nhất cách giải quyết, nếu không đi đến thống nhất sẽ đưa ra tòa án ... (tại địa phương - chi nhánh) để giải quyết*”. Khi khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi để giải quyết vụ án với lý do hiện tại cho nhánh Công ty V tại Quảng Ngãi đã giải thể không còn hoạt động. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, hàng hóa mà Công ty V xuất bán đến địa chỉ của bị đơn và hiện tại bị đơn đang có địa chỉ trụ sở tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (Số 167/2/1 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi). Hội đồng xét xử xét thấy lựa chọn về Tòa án có thẩm quyền giải quyết nêu trên của nguyên đơn Công ty V là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty P vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do; đại diện của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở để xác định: Công ty V và Công ty P có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau và có ký hợp đồng kinh tế số 62/HĐTT ngày 01/01/2015 (Hợp đồng mua bán xi măng). Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 11, 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung quy định trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Sau khi hợp đồng được ký kết thì Công ty P đã nhiều lần mua xi măng của Xí nghiệp kinh doanh xi măng vật liệu xây dựng Đà Nẵng trực thuộc Công ty V với tổng giá trị 449.620.000 đồng. Công ty V đã giao đúng, đủ về số lượng, chủng loại hàng hóa (xi măng) và xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty P nhưng tính đến ngày 17/7/2017 thì Công ty P chỉ mới thanh toán cho Công ty V số tiền 366.914.000 đồng và còn nợ lại 82.706.000 đồng (số nợ này đại diện hợp pháp của Công ty P đã xác nhận nợ nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015). Theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng mua bán xi măng số 62/HĐTT ngày 01/01/2015 quy định về thời hạn thanh toán thì bên mua là Công ty P phải trả hết số tiền hàng trong thời hạn không vượt quá 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn nhưng Công ty P vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Công ty V đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến

nay Công ty P vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty P phải trả số tiền 82.706.000 đồng là phù hợp theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết tại Hợp đồng mua bán xi măng số 62/HĐTT ngày 01/01/2015 và quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[2.2] Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hoặc chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty V không có yêu cầu về lãi chậm trả. Do đó, theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn là Công ty P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $82.706.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.135.300 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn là Công ty V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.067.650 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 4, 11, 24, 50, 55 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty V; buộc bị đơn là Công ty P phải có nghĩa vụ trả cho Công ty V số tiền là: 82.706.000 đồng (*tám mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn là Công ty P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.135.300 đồng (*bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng*).

Nguyên đơn là Công ty V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.067.650 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000236 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa

